TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 30-11-2017
V/v Tranh chấp HNGĐ về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Vững.

Ông Nguyễn Văn Ánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bạch Nga - Kiểm sát viên.

Ny 30 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 316/2017/TLST-HNGĐ Ny 09 tháng 10 năm 2017. Về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2017/QĐXXST-HNGĐ Ny 14 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Thị N, sinh năm: 1967.

Bị đơn: Nguyễn Văn M, sinh năm: 1966.

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Lê Thị N trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn M lấy nhau vào năm 1989 đến nay không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống chung có hạnh phúc, gần mười năm nay ông M thường xuyên ghen tuông vô cớ rồi kiếm chuyện đánh bà nhiều lần nhưng bà không biết lý do, vì thương các con mà bà

cố gắng sống, đến nay bà không chịu đựng được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông M.

Về con chung: Có 02 con tên Nguyễn V, sinh năm 1989 và Nguyễn T, sinh năm 1992 hiện các con đã trưởng thành có gia đình riêng, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản, nợ: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn M trình bày: Ông và bà N sống chung với nhau vào năm 1989, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung có hạnh phúc đến tháng 4/2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là ông đi làm về thì bà N không cho ông ngủ chung, Ny hôm sau bà N nói dứt khoát không còn duyên nợ với ông, ông có đánh bà N 2-3 bạt tay, sau đó bà N bỏ nhà đi qua nhà người khác ngủ, ông có kêu bà N về nhưng bà N không chịu về và bà N thường hay bỏ nhà đi, hiện nay ông còn tình cảm với bà N nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con tên Nguyễn V, sinh năm 1989 và Nguyễn T, sinh năm 1992 hiện các con đã trưởng thành có gia đình riêng, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản, nợ: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiên đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông M; Về con chung các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Tài sản, nợ: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Lê Thị N và ông Nguyễn Văn M kết hôn với nhau từ năm 1989, không có đăng ký kết hôn, trong quá trình sống chung vợ chồng có hạnh phúc được gần 20 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hiện nay không còn tình cảm nên bà N yêu cầu được ly hôn, ông M không đồng ý cho rằng vẫn còn thương vợ.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị N đối với ông Nguyễn Văn M vì bà N cho rằng tình cảm không còn đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn vợ chồng thường

cự cãi, cuộc sống chung không hạnh phúc, nhiều lần ông M ghen tuông kiếm chuyện chửi và đánh bà, hiện nay vợ chồng đã ly thân. Do đó xác định mục đích hôn nhân của hai bên không đạt được nên cần cho hai bên có cuộc sống tốt hơn nhưng do hôn nhân của ông, bà không có đăng ký kết hôn nên đã vi phạm Điều 9 luật Hôn nhân gia đình Việt Nam; Tại khoản 1 Điều 9 có ghi: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Và tại khoản 1 Điều 14 có ghi: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…".

Nên không công nhận quan hệ vợ chồng của bà N và ông M.

Về con chung: Bà N và ông M thống nhất có 02 con Nguyễn V, sinh năm 1989 và Nguyễn T, sinh năm 1992 hiện các con đã trưởng thành có gia đình riêng, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản, nợ: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1, Điều 9; khoản 1, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông M; Về con chung các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét; Tài sản, nợ: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 Ny 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị N và ông Nguyễn Văn M.

- Về con chung: Bà N và ông M thống nhất có 02 con Nguyễn V, sinh năm 1989 và Nguyễn T, sinh năm 1992 hiện các con đã trưởng thành có gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản, nợ: Không yêu cầu tòa án giải quyết..

- Về án phí: Bà Lê Thị N phải nộp 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số BN/2013 15138, quyển số 303 Ny 03/10/2017; Tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay các bên đương sự được quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án cấp trên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND Tỉnh ĐT
- VKSND cùng cấp.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ vụ án. (M)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Nguyễn Thanh Mai